| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH YÊN BÁI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12-6-2025
*V/v:"Ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thái Hưng

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Hà Thị Bàn và bà Trần Thị Đàm

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Hồng Quyên –Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái***: Bà Lê Thị Hoài- Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025, về việc "Ly hôn",

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn**: Ông Remeth A-SN 26/06/1972; QT: Đức

Địa chỉ: 1268 Berlin, A 12, tầng 9, Bên Tr, CHLB Đức

Tạm trú: Số 29/402 Mỹ Đình, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

(Vắng mặt nhưng đã đơn xin vắng mặt)

**Bị đơn**: Bà Lò Thị T-SN 17/09/1982

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Bản Búng S, xã Tú L, huyện Văn Ch, tỉnh Yên Bái

(Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 3 năm 2025, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn Ông Remeth A trình bầy*:

Ông Remeth A (là người có quốc tịch Đức) kết hôn với bà Lò Thị T vào ngày 18 tháng 09 năm 2019 tại Uỷ ban nhân dân huyện Văn Ch, tỉnh Yên Bái, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng không tổ chức đám cưới theo phong tục mà trở về Hà Nội chung sống, đến năm 2020 Ông Remeth A quay trở về Đức, do dịch Covid 19 nên không thể quay lại Việt Nam, hai người vẫn liên lạc nhưng không thường xuyên, khi quay về Việt Nam thì thỉnh thoảng hai người mới gặp nhau, đến tháng 6/2024 thì bà T không còn liên hệ với Ông Remeth A nữa, Ông Remeth A

không biết thông tin gì liên quan đến bà Lò Thị T. Nay Ông Remeth A xác định tình cảm vợ chồng đã hết, xin được ly hôn bà Lò Thị T.

Về con chung: Không có.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ông Remeth A có đơn xin được vắng mặt tại phiên họp và phiên toà.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn là bà Lò Thị T vắng mặt, Toà án đã đi thu thập chứng cứ, xác minh qua người nhà (ông Lò Văn Th là anh trai của bà Lò Thị T) và địa chỉ cư trú tại Bản Búng S, xã Tú L, huyện Văn Ch, tỉnh Yên Bái của bà Lò Thị T thì được biết hiện nay bà Lò Thị T không còn cư trú trên địa bàn, ông Lò Văn Th cũng không biết địa chỉ hiện tại của bà T nhưng ông Th đã thông báo thông tin về việc Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái đang giải quyết việc ly hôn cho bà T biết, bà T đã được biết Ông Remeth A xin ly hôn, nhưng do phải đi làm ăn sinh sống bà T không thể về để giải quyết việc ly hôn nên xác nhận tình cảm vợ chồng đã hết bà T đồng ý ly hôn, về con chung, tài sản chung và công nợ chung không có và bà T đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt. Toà án cũng đã thông báo cho ông Th và niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng của bà T thông tin vụ án có thời gian mở phiên họp, phiên toà và đề nghị bà T về Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái để giải quyết vụ án ly hôn, nhưng đến nay bà T vẫn không về Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái hoặc gửi giấy tờ, tài liệu, lời khai để giải quyết việc ly hôn theo yêu cầu của Tòa án.

Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, các thành viên khác trong Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình chuẩn bị xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Remeth A.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Remeth A được ly hôn bà Lò Thị T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền: Đây là vụ án về hôn nhân gia đình có đương sự nước ngoài và có đương sự cư trú trên địa bàn tỉnh Yên Bái nên thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái. Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã đi thu thập

chứng cứ, xác minh nơi cư trú của bà Lò Thị T, thông báo hợp lệ và niêm yết công khai thông tin vụ án cho bà Lò Thị T được biết, nhưng bà T đều không đến Toà án để cung cấp lời khai, chứng cứ nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

Ông Remeth A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Xét yêu cầu của Ông Remeth A xin được ly hôn bà Lò Thị T: Ông Remeth A và bà Lò Thị T kết hôn với nhau vào ngày 18 tháng 09 năm 2019 tại Uỷ ban nhân dân huyện Văn Ch, tỉnh Yên Bái, trên cơ sở tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp. Ông Remeth A xác định sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống ở Việt Nam được một thời gian, khi Ông Remeth A về Đức vào năm 2020 thì do dịch Covid 19 bùng phát nên hai người không gặp được nhau, cũng không thường xuyên liên lạc. Đến khi quay về Việt Nam thì Ông Remeth A và bà Lò Thị T cũng ít khi gặp nhau, đến tháng 6/2024 thì bà T cắt đứt liên lạc điều đó thể hiện đời sống chung vợ chồng không có, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của Ông Remeth A được ly hôn bà Lò Thị T.

Về con chung: Ông Remeth A xác định không có.

Tài sản chung, nợ chung: Ông Remeth A xác định không có, và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Ông Remeth A phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4]. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[5]. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 3 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Ông Remeth A được ly hôn bà Lò Thị T.

2.Về án phí: Ông Remeth A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ông Remeth A đã nộp thông qua cổng dịch vụ công Quốc gia là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 000003495327 ngày 28/03/2025 của Công ty cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 1 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái. Ông Remeth A đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

***Nơi nhận**:*
- Vụ GĐKT3-TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái;
- UBND huyện Văn Ch;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

*Đã ký*

**Lê Thái Hưng**